

THỰC HÀNH LẬP Ý VÀ VIẾT ĐOẠN VĂN THEO CÁC YÊU CẦU KHÁC NHAU

(1 tiết)

I – MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

Giúp HS :

Biết vận dụng kiến thức đã học về mục đích, yêu cầu của kiểu văn bản và phương thức biểu đạt vào việc thực hành lập ý, viết đoạn văn theo các yêu cầu khác nhau.

II – NHỮNG ĐIỂM CẦN LƯU Ý

1. *Tự sự, miêu tả, biểu cảm,...* là các phương thức biểu đạt khác nhau. Mỗi phương thức dựa vào một cách thức phản ánh chủ yếu và nhằm một mục đích

cụ thể. *Tự sự* dựa vào cách kể việc, trình bày sự việc nhằm tái hiện diễn biến của sự việc. *Miêu tả* dựa vào cách tả, dựng lại sự vật bằng hình ảnh, làm cho sự vật như hiện lên trước mắt người đọc. Còn *biểu cảm* dựa vào cách tự biểu lộ cảm xúc, tư tưởng, nhằm bày tỏ thái độ, tình cảm trước sự vật, con người.

Các phương thức biểu đạt có quan hệ mật thiết với nhau, đan xen với nhau trong một văn bản, nhưng bao giờ văn bản cũng sử dụng một phương thức biểu đạt chính. Người ta lấy phương thức đó đặt tên cho kiểu văn bản.

Tuy nhiên, trong dạy học, có thể chia tách các phương thức biểu đạt riêng biệt ra để luyện tập. Bài học này nhằm mục đích đó.

2. Về lí thuyết, cần chú ý hai điểm :

a) Đoạn văn được xem như một bài văn thu nhỏ. Nó cũng có ba phần : *mở đầu đoạn, phát triển đoạn và kết đoạn*.

b) Cũng là đoạn văn, nhưng đoạn văn tự sự khác với đoạn văn miêu tả và biểu cảm. Nhìn chung, đoạn văn *tự sự* nghiêng về kể việc ; đoạn văn *miêu tả* nghiêng về tái hiện sự vật, con người bằng hình ảnh ; đoạn văn *biểu cảm* nghiêng về bày tỏ, thổ lộ tình cảm, cảm xúc của người viết trước sự vật. Đoạn văn *tự sự* thường dùng nhiều *động từ*, đoạn văn *miêu tả* dùng nhiều *hình dung từ (tính từ)*, còn đoạn văn *biểu cảm* hay dùng *từ cảm thán*. Câu trong đoạn văn *tự sự* thường là *câu kể*, đoạn văn *miêu tả* thường dùng *câu tả* và đoạn văn *biểu cảm* hay dùng *câu cảm thán*,...

Tất nhiên, sự phân biệt trên đây chỉ là tương đối.

3. Bài học này nghiêng về thực hành, vì thế những điểm lí thuyết nêu trên chỉ là để chuẩn bị cơ sở cho việc thực hành và nếu cần, để giải thích, cắt nghĩa. Do đó, tiết học tập trung vào việc hướng dẫn HS thực hành luyện tập viết đoạn văn theo ba phương thức biểu đạt đã nêu. Qua thực hành, ôn và củng cố lại những hiểu biết về lí thuyết đã nêu ở một chừng mực nhất định.

III – TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. Phần mở đầu

Tuỳ vào hoàn cảnh cụ thể mà mỗi GV có cách giới thiệu bài cho phù hợp.

2. Phần tổ chức dạy học

Bước 1. Cho HS đọc kĩ ba đề văn nêu trong SGK.

Bước 2. Hướng dẫn HS tìm hiểu, phân tích và trả lời câu hỏi.

Câu hỏi a : Ba đề văn trên có điểm gì giống nhau ?

Cùng viết về một đề tài : *con chim vàng anh bị nhốt trong lồng.*

Câu hỏi b : Yêu cầu về kiểu văn bản ở mỗi đề có gì khác nhau ?

Yêu cầu về phương thức biểu đạt và kiểu văn bản. Đề 1 yêu cầu kể chuyện sáng tạo, người viết nhập vai chim vàng anh bị nhốt (điểm nhìn bên trong – chủ quan) ; Đề 2 yêu cầu miêu tả chim vàng anh bị nhốt (điểm nhìn bên ngoài – khách quan) ; Đề 3 yêu cầu người viết phát biểu cảm nghĩ (biểu cảm) khi nhìn thấy chim vàng anh bị nhốt.

Câu hỏi c : Hệ thống ý cho mỗi bài giống và khác nhau ở chỗ nào ? Những kiến thức nào ở các bài đã học cần vận dụng để lập ý cho mỗi đề văn trên ?

Câu hỏi này đã được SGK gợi ý khá cụ thể, GV chỉ cần cho HS đọc các gợi ý ấy. Tuy nhiên, đây chỉ là gợi ý của người biên soạn, GV cùng với HS có thể tìm tòi và bổ sung thêm những ý khác cho phong phú và sinh động hơn. Từ đó rút ra chỗ giống và khác nhau của hệ thống ý cho ba đề văn.

Giống nhau : Cùng một đề tài – con chim vàng anh bị nhốt trong lồng.

Khác nhau : sử dụng phương thức biểu đạt chính trong mỗi trường hợp không giống nhau. Ba phương thức chính tự sự, miêu tả, biểu cảm ở đây đòi hỏi người viết cần có các ý, ngôi kể và giọng văn,... cho phù hợp.

Bước 3. Hướng dẫn HS luyện tập lập ý.

Từ các gợi ý của SGK, GV hướng dẫn HS lập ý cho ba đề văn trên. Để tiết kiệm thời gian, GV nên chia ra ba nhóm (tổ), mỗi nhóm lập ý cho một đề văn. Chú ý yêu cầu lập ý theo ba phần : *mở bài, thân bài* và *kết bài*. Trong mỗi phần có những ý lớn nào ? (Do thời gian ngắn nên chỉ yêu cầu dừng lại ở những ý lớn).

3. Hướng dẫn HS thực hành viết đoạn văn ở nhà

GV nêu yêu cầu và nhiệm vụ của tiết học.

– Viết một đoạn văn : tự chọn về ý trong phần *thân bài* và tự chọn về phương thức biểu đạt.

– Yêu cầu về độ dài, bố cục và cách viết đoạn văn cho phù hợp với phương thức biểu đạt đã chọn như phần *Những điểm cần lưu ý* đã nêu.

Nếu có thời gian, Bài tập 3 này ghép với Bài tập 1, coi *mở bài* và *kết bài* cũng là một đoạn văn để HS luyện tập trên lớp. GV có thể tham khảo ba đoạn văn *mở bài* sau đây cho ba đề văn trên.

+ Đoạn *mở bài* cho Đề 1 (tự sự) :

Thế là đã ba ngày đêm tôi bị nhốt vào đây, vào chiếc lồng thật kinh khủng này. Ba ngày tôi không ăn không uống, người mệt rũ rượi, nhưng không còn bụng dạ nào để ăn uống nữa. Sau những lần tung chân đập vào lồng một cách dữ dội, tôi nằm xoa cánh bất lực. Nổi nhớ bạn bè và bầu trời cao xanh lồng gió cào xé trong tôi... Và tất cả câu chuyện kinh hoàng xảy ra với tôi hôm ấy hiện lên rất rõ.

+ Đoạn *mở bài* cho Đề 2 (miêu tả) :

Hôm qua đang trên đường về nhà thì tôi gặp Nam, một thằng bạn cùng lớp rất giỏi bẫy chim. Gặp tôi, Nam nói : "Vào nhà, tao cho mày xem cái này, mày sẽ hiểu thế nào là bị cầm tù và thế nào là lòng khao khát tự do". Tôi đã lơ mơ hiểu ra Nam định cho tôi xem cái gì. Nhưng thú thật đến nơi tôi vẫn bàng hoàng khi nhìn thấy một con chim vàng anh đang "quyết tử" phá vây mong được "tháo cũi sổ lồng".

+ Đoạn *mở bài* cho Đề 3 (biểu cảm) :

Tự do như không khí ta vẫn thường hít thở hằng ngày. Nếu thiếu không khí, con người sẽ ngột ngạt, khó thở. Có điều ta ít khi sống trong tình trạng ấy, nên không thấy hết sự quý giá của khí trời ; cũng như vì luôn được sống trong cuộc đời tự do nên nhiều khi ta chưa hiểu được nỗi khổ nhục của cuộc sống ngục tù, chưa hiểu hết giá trị của tự do. Những cảm nghĩ ấy xuất hiện rất rõ trong tôi, khi tôi nhìn thấy một con chim vàng anh bị nhốt trong lồng đang vùng vẫy, đập phá nhằm tìm lối thoát trở lại với trời xanh.